

Số: /2020/QĐ-UBND
DỰ THẢO

Ninh Thuận, ngày tháng năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý
dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quy định một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về giám sát, đánh giá đầu tư; Nghị định số 01/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về giám sát, đánh giá đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ về hướng dẫn một số điều của Luật đầu tư công; Nghị định số 120/2018/NĐ-CP ngày 13 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, số 136/2015/NĐ-CP ngày 31

tháng 12 năm 2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư công và số 161/2016/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Nghị định số 63/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về đầu tư theo hình thức đối tác công tư;

Căn cứ Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số /TTr-SXD ngày tháng năm 2020 và Báo cáo thẩm định số/BC-STP ngàytháng năm 2020 của Sở Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là Quy định phân công, phân cấp quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận (gồm 03 Chương, 17 Điều)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày tháng năm 2020 và thay thế Quyết định số 59/2017/QĐ-UBND ngày 07/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; Quyết định số 01/2018/QĐ-UBND ngày 03/01/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung Điều 5 Quyết định số 59/2017/QĐ-UBND ngày 07/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; Quyết định số 03/2019/QĐ-UBND ngày 18/01/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung điểm c Khoản 1 Điều 6 Quyết định số 59/2017/QĐ-UBND ngày 07/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận :

- Như điều 2;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư;
- Cục Kiểm tra Văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Vụ pháp chế (Bộ Xây dựng);
- Vụ pháp chế (Bộ Kế hoạch và Đầu tư);
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Ninh Thuận;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Thường trực các huyện ủy, thành ủy;
- TT HĐND các huyện, thành phố;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh Ninh Thuận;
- Lưu: VT, KTTH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lưu Xuân Vĩnh

DỰ THẢO

QUY ĐỊNH

**Phân công, phân cấp quản lý dự án
đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận**
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2020/QĐ-UBND ngày tháng năm 2020
của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Các dự án đầu tư xây dựng thuộc mọi nguồn vốn, gồm các khâu: Thẩm định chủ trương đầu tư; thi tuyển, tuyển chọn thiết kế kiến trúc; thẩm định, phê duyệt dự án; thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán; cấp giấy phép xây dựng; tổ chức quản lý dự án, giám sát đầu tư và quyết toán dự án.

2. Đối tượng áp dụng: Quy định này áp dụng đối với Ủy ban nhân dân các cấp, các cơ quan chuyên môn trong quản lý dự án đầu tư xây dựng; các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hoạt động đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

3. Đối với các dự án không có cấu phần xây dựng thì thực hiện theo quy định của Luật đầu tư công, Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư công và các văn bản hướng dẫn khác có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc phân công, phân cấp quản lý dự án đầu tư xây dựng

Phân định rõ thẩm quyền, trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp, các cơ quan chuyên môn và các chủ đầu tư trong việc thực hiện quản lý dự án đầu tư xây dựng; đảm bảo đúng pháp luật, đơn giản thủ tục hành chính, phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh Ninh Thuận.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong văn bản này, một số từ ngữ được giải thích như sau:

1. Hội đồng thẩm định chủ trương đầu tư là Hội đồng được thành lập ở cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã để thẩm định chủ trương đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công và được gọi tắt là Hội đồng.

2. Phòng Kinh tế và Hạ tầng cấp huyện, Phòng Quản lý đô thị thành phố Phan Rang – Tháp chàm gọi chung là Phòng có chức năng quản lý xây dựng cấp huyện;

3. Cơ quan chuyên môn về xây dựng là Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành; Phòng có chức năng quản lý xây dựng cấp huyện.

4. Cơ quan chuyên môn trực thuộc người quyết định đầu tư là cơ quan, tổ chức có chuyên môn phù hợp với tính chất, nội dung của dự án và được người quyết định đầu tư giao nhiệm vụ thẩm định.

Đối với dự án đầu tư công không có cấu phần xây dựng, cơ quan chuyên môn trực thuộc người quyết định đầu tư là Sở Kế hoạch và Đầu tư (đối với dự án đầu tư công do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư), Phòng Tài chính - Kế hoạch (đối với dự án đầu tư công do Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư).

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1

CHUẨN BỊ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

Điều 4. Chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư công

Căn cứ quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch ngành, quy hoạch xây dựng, quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất tại địa phương nơi có dự án đầu tư xây dựng các sở, ngành, địa phương, đơn vị được giao lập hồ sơ Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt.

1. Thành lập Hội đồng thẩm định chủ trương đầu tư

a) Hội đồng thẩm định tỉnh Ninh Thuận do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận làm Chủ tịch hoặc một Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận trong trường hợp được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận ủy quyền; Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư làm Phó Chủ tịch Thường trực; Giám đốc Sở Tài Chính làm Phó Chủ tịch; Ủy viên gồm Thủ trưởng các cơ quan: Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, sở quản lý xây dựng chuyên ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có dự án triển khai, đơn vị được giao lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư.

b) Hội đồng cấp huyện do một lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện làm Chủ tịch; Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch làm Phó Chủ tịch; Ủy viên gồm Thủ trưởng các cơ quan: Phòng có chức năng quản lý xây dựng cấp huyện, các phòng liên quan (nếu cần), Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có dự án triển khai, đơn vị được giao lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư.

c) Hội đồng cấp xã do một lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã làm Chủ tịch; Công chức Tài chính - Kế toán làm Ủy viên Thường trực; Ủy viên Hội đồng gồm:

Công chức văn phòng, công chức địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường (đối với phường, thị trấn) hoặc địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường (đối với xã), công chức được giao lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư.

2. Thẩm quyền thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc chủ trương đầu tư

- Đối với dự án nhóm A thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh: Hội đồng cấp tỉnh thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn;

- Đối với dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn đầu tư công do cấp tỉnh quản lý: Hội đồng cấp tỉnh hoặc giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn; các dự án còn lại giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn;

- Đối với dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn đầu tư công do cấp huyện quản lý: Hội đồng cấp huyện hoặc giao Phòng Tài chính - Kế hoạch chủ trì, phối hợp với các phòng chuyên môn cấp huyện có liên quan thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn; các dự án còn lại giao Phòng Tài chính - Kế hoạch chủ trì thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn;

- Đối với dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn đầu tư công và các dự án còn lại do cấp xã quản lý: Hội đồng cấp xã thực hiện công tác thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn

3. Trình tự, thủ tục, thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư đối với các dự án Đầu tư công sau khi đã hoàn chỉnh Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư:

a) Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm A thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh:

- Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh cho ý kiến Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi; Sau khi được Hội đồng nhân dân tỉnh có văn bản chấp thuận phê duyệt Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, Ủy ban nhân dân tỉnh gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư của Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi.

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo hoàn chỉnh Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi theo ý kiến thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

- Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, bao gồm: mục tiêu, quy mô, tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn, địa điểm, thời gian, tiến độ thực hiện, dự kiến kế hoạch bố trí vốn.

b) Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn đầu tư công do địa phương quản lý:

- Đối với dự án do Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý:

+ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 4 của Quy định này (Hội đồng cấp tỉnh) hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn trước khi trình Hội đồng nhân dân tỉnh cho ý kiến về Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư;

+ Ủy ban nhân dân tỉnh gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư sau khi Hội đồng nhân dân tỉnh có văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư;

+ Sau khi Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo cơ quan được giao chuẩn bị Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư hoàn chỉnh Báo cáo trình Ủy ban nhân dân tỉnh;

+ Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư của dự án, bao gồm: mục tiêu, phạm vi, quy mô, tổng vốn đầu tư, cơ cấu nguồn vốn, địa điểm, thời gian, tiến độ thực hiện, dự kiến kế hoạch bố trí vốn, cơ chế và giải pháp, chính sách thực hiện.

- Đối với dự án do Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý:

+ Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập Hội đồng thẩm định theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 4 của Quy định này (Hội đồng cấp huyện) hoặc Phòng Tài chính - Kế hoạch chủ trì, phối hợp với các phòng chuyên môn cấp huyện có liên quan thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn trước khi trình Hội đồng nhân dân cấp huyện cho ý kiến về Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư;

+ Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Ủy ban nhân dân tỉnh sau khi Hội đồng nhân dân cấp huyện có văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư, Ủy ban nhân dân tỉnh gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư;

+ Sau khi Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn, Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo cơ quan được giao chuẩn bị Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư hoàn chỉnh Báo cáo trình Ủy ban nhân dân cấp huyện;

+ Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Hội đồng nhân dân cấp huyện quyết định chủ trương đầu tư của dự án, bao gồm: mục tiêu, phạm vi, quy mô, tổng vốn đầu tư, cơ cấu nguồn vốn, địa điểm, thời gian, tiến độ thực hiện, dự kiến kế hoạch bố trí vốn, cơ chế và giải pháp, chính sách thực hiện.

- Đối với dự án do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý:

+ Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thành lập Hội đồng thẩm định theo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 4 của Quy định này (Hội đồng cấp xã) thẩm định

Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn trước khi trình Hội đồng nhân dân cấp xã cho ý kiến về Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư;

+ Ủy ban nhân dân cấp xã trình Ủy ban nhân dân cấp huyện sau khi Hội đồng nhân dân cấp xã có văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư; Ủy ban nhân dân huyện gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư;

+ Sau khi Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn, Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo cơ quan được giao chuẩn bị Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư hoàn chỉnh Báo cáo trình Ủy ban nhân dân cấp xã;

+ Ủy ban nhân dân cấp xã trình Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định chủ trương đầu tư của dự án, bao gồm: mục tiêu, phạm vi, quy mô, tổng vốn đầu tư, cơ cấu nguồn vốn, địa điểm, thời gian, tiến độ thực hiện, dự kiến kế hoạch bố trí vốn, cơ chế và giải pháp, chính sách thực hiện.

4. Đối với các dự án đầu tư thực hiện theo hình thức PPP thực hiện theo quy định tại Nghị định số 63/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ.

Điều 5. Chủ đầu tư

1. Đối với dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước do Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư thì chủ đầu tư là Ủy ban nhân dân tỉnh. Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện thẩm quyền của người quyết định đầu tư xây dựng, phê duyệt thiết kế, dự toán xây dựng công trình.

2. Đối với dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước do Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp (tỉnh; huyện, thành phố; xã, phường, thị trấn) quyết định đầu tư, chủ đầu tư được xác định như sau:

a) Đối với dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư:

- Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh là chủ đầu tư đối với các công trình dân dụng, công trình công nghiệp nhẹ, công trình công nghiệp vật liệu xây dựng, công trình hạ tầng kỹ thuật và công trình giao thông trong đô thị (trừ công trình đường sắt đô thị, cầu vượt sông, đường quốc lộ qua đô thị);

- Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh là chủ đầu tư đối với các công trình giao thông (trừ các công trình giao thông do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh là chủ đầu tư);

- Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là chủ đầu tư đối với các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn.

b) Đối với dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố (gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp huyện) quyết định đầu tư thì chủ đầu tư là Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện, thành phố (gọi tắt là Ban quản lý dự án cấp huyện).

c) Đối với dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư, dự án sử dụng nguồn vốn ngân sách cấp xã, dự án có sự đóng góp của cộng đồng, dự án thuộc Chương trình xây dựng nông thôn mới thì chủ đầu tư là Ủy ban nhân dân cấp xã, dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia thì chủ đầu tư là Ban Quản lý các Chương trình mục tiêu quốc gia xã.

Đối với dự án có quy mô nhóm B, Ủy ban nhân dân cấp huyện giao Ban Quản lý dự án cấp huyện làm chủ đầu tư.

d) Các dự án xây dựng công trình quốc phòng, an ninh do cơ quan quốc phòng, an ninh theo phân cấp làm chủ đầu tư.

3. Đối với dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư (gọi tắt là PPP), chủ đầu tư là doanh nghiệp dự án do nhà đầu tư thành lập theo quy định của pháp luật.

4. Đối với các dự án đầu tư xây dựng có tổng mức đầu tư dưới 15 tỷ đồng các cơ quan, tổ chức đơn vị được người quyết định đầu tư giao làm chủ đầu tư, chủ đầu tư sử dụng tư cách pháp nhân của mình và bộ máy chuyên môn trực thuộc có đủ điều kiện, năng lực để trực tiếp quản lý dự án đầu tư; trường hợp không đủ điều kiện thực hiện, chủ đầu tư được thuê tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực theo quy định hiện hành để thực hiện hoặc ủy thác cho Ban Quản lý dự án chuyên ngành, khu vực thực hiện việc quản lý dự án.

5. Các Ban quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều này, Ban Xây dựng năng lực và Thực hiện các dự án ODA của tỉnh và một số Sở, Ngành được giao làm chủ đầu tư đối với các dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài theo yêu cầu Bên cho vay vốn, tài trợ và theo quyết định Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

6. Trường hợp dự án có lý do không giao các Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành làm chủ đầu tư sẽ do Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định.

Điều 6. Thẩm quyền thẩm định dự án, thiết kế cơ sở

1. Đối với dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn ngân sách Nhà nước:

a) Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành và Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh chủ trì thẩm định đối với các nội dung quy định tại Điều 58 Luật xây dựng năm 2014 của các dự án quy mô nhóm B, nhóm C; các nội dung quy định tại Khoản 4 Điều 58 của Luật xây dựng năm 2014 đối với Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư; các dự án, thiết kế cơ sở của các dự án được cơ quan chuyên môn về xây

dựng trực thuộc Bộ Xây dựng và Bộ quản lý xây dựng chuyên ngành phân cấp hoặc ủy quyền, trừ các dự án quy định tại Điểm b Khoản này, cụ thể:

- Sở Xây dựng đối với các công trình dân dụng, công trình công nghiệp nhẹ, công trình công nghiệp vật liệu xây dựng, công trình hạ tầng kỹ thuật và công trình giao thông trong đô thị (trừ công trình đường sắt đô thị, cầu vượt sông, đường quốc lộ qua đô thị);

- Sở Giao thông vận tải đối với các công trình giao thông (trừ các công trình giao thông do Sở Xây dựng thẩm định theo quy định nêu trên);

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn;

- Sở Công Thương đối với các công trình hầm mỏ, dầu khí, nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp và các công trình công nghiệp chuyên ngành (trừ công trình vật liệu xây dựng) ngoài khu, cụm công nghiệp;

- Ban Quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh đối với các dự án công trình trong khu, cụm công nghiệp (trừ công trình hạ tầng kỹ thuật).

b) Phòng có chức năng quản lý xây dựng cấp huyện chủ trì thẩm định các nội dung quy định tại Khoản 4 Điều 58 của Luật xây dựng năm 2014 đối với các dự án có yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng do Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư;

c) Phòng có chức năng quản lý xây dựng cấp huyện chủ trì thẩm định đối với các nội dung quy định tại Điều 58 của Luật xây dựng năm 2014 của các dự án nhóm B, nhóm C do Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư, cụ thể:

- Phòng Quản lý đô thị thành phố Phan Rang - Tháp Chàm thực hiện công tác thẩm định các dự án nhóm B, nhóm C thuộc loại công trình dân dụng;

- Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Thuận Nam thực hiện công tác thẩm định các dự án nhóm C thuộc loại công trình dân dụng và giao thông;

- Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Ninh Sơn thực hiện công tác thẩm định các dự án nhóm B, nhóm C loại công trình dân dụng, các dự án nhóm C loại công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn;

- Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Ninh Hải thực hiện công tác thẩm định các dự án nhóm C loại công trình giao thông và dân dụng;

- Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Thuận Bắc thực hiện công tác thẩm định các dự án nhóm C loại công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, nông nghiệp và phát triển nông thôn;

- Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Bác Ái thực hiện công tác thẩm định các dự án nhóm C loại công trình giao thông và dân dụng.

Việc thực hiện các nhóm, loại công trình còn lại chưa giao các Phòng có chức năng quản lý xây dựng cấp huyện thực hiện thì các Sở quản lý xây dựng

chuyên ngành tiếp tục thực hiện công tác thẩm định. Sở Xây dựng tỉnh Ninh Thuận chủ trì phối hợp với các Sở quản lý xây dựng chuyên ngành tiếp tục rà soát, xác định năng lực của các Phòng có chức năng quản lý xây dựng cấp huyện, báo cáo tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận tiếp tục giao các Phòng có chức năng quản lý xây dựng cấp huyện thực hiện công tác thẩm định đối với công trình còn lại khi đảm bảo đủ các điều kiện năng lực.

d) Trường hợp cơ quan chủ trì thẩm định dự án là cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc người quyết định đầu tư thì cơ quan này có trách nhiệm tổng hợp kết quả thẩm định và trình phê duyệt dự án; các trường hợp còn lại do người quyết định đầu tư xem xét, giao cơ quan chuyên môn trực thuộc tổng hợp kết quả thẩm định và trình phê duyệt.

2. Đối với dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn Nhà nước ngoài ngân sách

a) Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này chủ trì thẩm định thiết kế cơ sở về các nội dung quy định tại Khoản 2 Điều 58 của Luật xây dựng năm 2014 (trừ phần thiết kế công nghệ) đối với các dự án nhóm B, dự án nhóm C được đầu tư xây dựng trên địa bàn hành chính của tỉnh; chủ trì thẩm định các nội dung quy định tại các điểm c, d, đ và e Khoản 4 Điều 58 của Luật xây dựng năm 2014 đối với thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng của Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định đầu tư; thiết kế cơ sở của các dự án được cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc Bộ Xây dựng và Bộ quản lý xây dựng chuyên ngành phân cấp hoặc ủy quyền, trừ các dự án quy định tại Điểm b Khoản này; thẩm định thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng theo Khoản 4 Điều 58 của Luật xây dựng năm 2014 đối với các dự án có yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng do các Bộ, cơ quan ở Trung ương, Tập đoàn kinh tế, Tổng Công ty nhà nước quyết định đầu tư trên địa bàn của tỉnh nhưng cơ quan chuyên môn thuộc người quyết định đầu tư không đủ điều kiện thực hiện công tác thẩm định (khi chủ đầu tư có yêu cầu);

b) Phòng có chức năng quản lý xây dựng cấp huyện chủ trì thẩm định các nội dung quy định tại các Điểm c, d, đ và e Khoản 4 Điều 58 của Luật xây dựng năm 2014 đối với thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng (trừ phần thiết kế công nghệ) đối với dự án có yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng do Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư;

c) Cơ quan chuyên môn trực thuộc người quyết định đầu tư chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế công nghệ (nếu có), các nội dung khác của Báo cáo nghiên cứu khả thi theo quy định tại Điều 58 của Luật xây dựng năm 2014 và tổng hợp kết quả thẩm định, trình phê duyệt dự án; chủ trì thẩm định dự án có nội dung chủ yếu là mua sắm hàng hóa, cung cấp dịch vụ nhưng có cấu phần xây dựng gồm các hạng mục công trình, công việc không quyết định đến mục tiêu đầu tư, an toàn trong vận hành, sử dụng và có giá trị chi phí phần xây dựng dưới 5 (năm) tỷ đồng.

d) Người quyết định đầu tư tổ chức thẩm định các nội dung quy định tại các Điểm a và b Khoản 4 Điều 58 của Luật xây dựng năm 2014 và phân thiết kế công nghệ (nếu có) đối với các dự án chi yêu cầu lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật quy định tại các Điểm a, b Khoản này;

3. Đối với dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn khác

a) Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế cơ sở về các nội dung quy định tại Khoản 2 Điều 58 của Luật xây dựng năm 2014 (trừ phần thiết kế công nghệ) của dự án đầu tư xây dựng công trình nhà ở quy mô dưới 25 tầng có chiều cao không quá 75 m; dự án đầu tư xây dựng công trình công cộng, công trình có ảnh hưởng lớn đến cảnh quan, môi trường và an toàn của cộng đồng đối với công trình cấp II, cấp III được xây dựng trên địa bàn hành chính của tỉnh; chủ trì tổ chức thẩm định các nội dung theo quy định tại các điểm c và d khoản 4 Điều 58 của Luật xây dựng năm 2014 đối với thiết kế bản vẽ thi công (trừ phần thiết kế công nghệ) của Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình nhà ở có quy mô dưới 25 tầng chiều cao không quá 75 m; công trình công cộng, công trình có ảnh hưởng lớn đến cảnh quan, môi trường và an toàn của cộng đồng đối với công trình cấp II, cấp III nằm trên địa bàn hành chính của tỉnh,

b) Người quyết định đầu tư tổ chức thẩm định toàn bộ nội dung dự án theo quy định tại Điều 58 của Luật xây dựng năm 2014, trừ các nội dung thẩm định thiết kế cơ sở do cơ quan chuyên môn về xây dựng thực hiện được quy định tại Điểm a Khoản này.

Người quyết định đầu tư phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình của Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng.

4. Đối với dự án PPP, cơ quan chuyên môn về xây dựng theo quy định tại Khoản 2 Điều này chủ trì thẩm định thiết kế cơ sở với các nội dung quy định tại Khoản 2 Điều 58 Luật xây dựng năm 2014 (trừ phần thiết kế công nghệ); góp ý kiến về việc áp dụng đơn giá, định mức, đánh giá giải pháp thiết kế về tiết kiệm chi phí xây dựng công trình của dự án; Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì thẩm định các nội dung khác của Báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế công nghệ (nếu có) và tổng hợp kết quả thẩm định thiết kế cơ sở do cơ quan chuyên môn về xây dựng thực hiện, trình phê duyệt dự án.

5. Đối với dự án xây dựng có nội dung liên quan đến lĩnh vực thông tin liên lạc, điện tử, tin học; các dự án về khoa học và công nghệ cơ quan đầu mối thẩm định dự án xin ý kiến tham gia của Sở Thông tin và Truyền thông về phần công nghệ thông tin và Sở Khoa học và Công nghệ về phần công nghệ khác.

6. Phân loại, phân cấp công trình xây dựng, công trình có ảnh hưởng lớn đến an toàn của cộng đồng, đến môi trường và cảnh quan kiến trúc

a) Phân loại công trình xây dựng thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về sửa

đổi, bổ sung một số điều Nghị định 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phụ lục 1 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

b) Phân cấp công trình xây dựng thực hiện theo quy định tại Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10 tháng 3 năm 2016 của Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng và Thông tư số 07/2019/TT-BXD ngày 07 tháng 11 năm 2019 của Bộ Xây dựng ban hành sửa đổi, bổ sung, thay thế một số quy định tại Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng.

c) Các công trình có ảnh hưởng lớn đến an toàn của cộng đồng quy định tại Phụ lục II Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ;

d) Các công trình có ảnh hưởng lớn đến môi trường quy định tại Phụ lục II Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng năm 2015 của Chính phủ về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

đ) Các công trình có ảnh hưởng lớn đến cảnh quan kiến trúc là các công trình được quy định tại Khoản 2 Điều 9 quy định này.

Điều 7. Thẩm quyền phê duyệt dự án, quyết định đầu tư xây dựng công trình

1. Dự án đầu tư xây dựng được phê duyệt tại quyết định đầu tư xây dựng.

2. Đối với dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt:

- Các dự án nhóm A, B, C do tỉnh quản lý và Báo cáo kinh tế - kỹ thuật thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

- Dự án có tổng mức đầu tư từ 15 tỷ đồng trở lên thuộc ngân sách cấp huyện, cấp xã trong đó có sử dụng một phần hỗ trợ từ ngân sách cấp tỉnh.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt các dự án:

- Dự án nhóm B, C sử dụng toàn bộ ngân sách cấp huyện, cấp xã và Báo cáo kinh tế - kỹ thuật thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

- Dự án có tổng mức đầu tư dưới 15 tỷ đồng thuộc ngân sách cấp huyện, cấp xã trong đó có một phần hỗ trợ từ ngân sách tỉnh;

- Ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt các dự án nhóm B, nhóm C thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh, đã có

quyết định chủ trương đầu tư của cấp có thẩm quyền, được thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn do Ủy ban nhân dân cấp huyện làm chủ đầu tư.

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt các dự án nhóm C có tổng mức đầu tư dưới 15 tỷ đồng sử dụng toàn bộ ngân sách cấp xã.

3. Dự án sử dụng nguồn vốn nhà nước ngoài ngân sách

Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp hoặc đại diện chủ sở hữu phê duyệt dự án.

4. Dự án sử dụng các nguồn vốn khác

a) Chủ sở hữu vốn hoặc đại diện chủ sở hữu vốn phê duyệt dự án và chịu trách nhiệm về quyết định của mình;

b) Các dự án sử dụng nhiều nguồn vốn khác nhau, các bên góp vốn tự thoả thuận cử ra người đại diện phê duyệt dự án.

Điều 8. Thời gian thẩm định dự án, thẩm định thiết kế cơ sở và thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thiết kế dự toán xây dựng công trình

1. Thời gian thẩm định dự án

a) Không quá 20 (hai mươi) ngày đối với dự án nhóm A;

b) Không quá 15 (mười lăm) ngày đối với dự án nhóm B

c) Không quá 10 (mười) ngày đối với dự án nhóm C.

Trường hợp cần gia hạn thời gian thẩm định thì cơ quan, tổ chức chủ trì thẩm định phải báo cáo cơ quan cấp trên xem xét, quyết định việc gia hạn; thời gian gia hạn không quá thời gian thẩm định tương ứng quy định trên.

2. Thời gian thẩm định thiết kế cơ sở kể cả thời gian tham gia ý kiến thiết kế cơ sở của các Sở, ngành liên quan

a) Không quá 20 (hai mươi) ngày đối với dự án nhóm A;

b) Không quá 15 (mười lăm) ngày đối với dự án nhóm B;

c) Không quá 10 (mười) ngày đối với dự án nhóm C.

Trường hợp công trình, dự án liên quan đến nhiều Sở, ngành cơ quan chủ trì thẩm định thiết kế cơ sở đề nghị các cơ quan, tổ chức liên quan tham gia ý kiến thiết kế cơ sở của các cơ quan, tổ chức liên quan là:

- Không quá 15 (mười lăm) ngày đối với dự án nhóm A;

- Không quá 10 (mười) ngày đối với dự án nhóm B;

- Không quá 05 (năm) ngày đối với dự án nhóm C.

3. Thời gian thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật và thiết kế, dự toán xây dựng công trình kể cả thời gian tham gia thẩm định thiết kế kỹ thuật hoặc Báo cáo Kinh tế - kỹ thuật (thiết kế bản vẽ thi công) của các cơ quan, tổ chức liên quan

- a) Không quá 20 (hai mươi) ngày đối với công trình cấp II, cấp III;
- b) Không quá 15 (mười lăm) ngày đối với công trình cấp IV.

Trường hợp công trình, dự án liên quan đến nhiều Sở, ngành cơ quan chủ trì thẩm định thiết kế kỹ thuật hoặc Báo cáo Kinh tế - kỹ thuật (thiết kế bản vẽ thi công) đề nghị các cơ quan, tổ chức liên quan thẩm định một số nội dung liên quan đến chuyên ngành của mình, thời gian tham gia thẩm định thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công của các cơ quan, tổ chức liên quan là:

- Không quá 11 (mười một) ngày đối với công trình cấp II, cấp III;
- Không quá 06 (sáu) ngày đối với công trình cấp IV.

Điều 9. Thi tuyển, tuyển chọn thiết kế kiến trúc công trình xây dựng

1. Việc tổ chức thi tuyển, tuyển chọn phương án thiết kế kiến trúc được đề xuất trong chủ trương đầu tư hoặc báo cáo nghiên cứu tiền khả thi.

2. Công trình công cộng có quy mô lớn, có yêu cầu kiến trúc đặc thù phải tổ chức thi tuyển, tuyển chọn phương án thiết kế kiến trúc gồm:

- a) Công trình công cộng có quy mô cấp I, cấp đặc biệt;
- b) Công trình có yêu cầu kiến trúc đặc thù gồm: Nhà ga đường sắt trung tâm cấp tỉnh; cầu trong đô thị từ cấp II trở lên; công trình tượng đài, công trình là biểu tượng về truyền thống, văn hóa và lịch sử của địa phương; công trình có ý nghĩa quan trọng, điểm nhấn trong đô thị và trên các tuyến đường chính được xác định trong đồ án quy hoạch xây dựng, thiết kế đô thị, quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Hội đồng tổ chức thi tuyển, tuyển chọn phương án thiết kế kiến trúc; hình thức thi tuyển, tuyển chọn phương án thiết kế kiến trúc; trình tự, thủ tục, quyền hạn và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến thi tuyển, tuyển chọn phương án thiết kế kiến trúc và chi phí cho việc thi tuyển, tuyển chọn phương án thiết kế kiến trúc công trình xây dựng thực hiện theo quy định của Bộ Xây dựng.

4. Khi có đủ điều kiện năng lực thực hiện theo quy định thì tổ chức, cá nhân có phương án thiết kế kiến trúc được lựa chọn được ưu tiên thực hiện các bước thiết kế tiếp theo của dự án.

Mục 2

THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

Điều 10. Hình thức quản lý dự án

1. Đối với các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước và vốn nhà nước ngoài ngân sách

a) Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập 04 (bốn) Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành gồm: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ban Xây dựng Năng lực và thực hiện các dự án ODA ngành nước thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận để quản lý và thực hiện các dự án đầu tư xây dựng công trình do Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh làm Chủ đầu tư và do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư;

b) Ủy ban nhân dân các huyện, Ủy ban nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm quyết định thành lập Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng của các huyện và thành phố (gọi tắt là Ban quản lý dự án cấp huyện) để thực hiện các dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư và dự án được Ủy ban nhân dân tỉnh giao làm chủ đầu tư;

c) Trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện giao cho cơ quan, tổ chức quản lý, sử dụng vốn để đầu tư xây dựng công trình là chủ đầu tư dự án thì Chủ đầu tư có trách nhiệm ký hợp đồng ủy thác cho Ban quản lý dự án chuyên ngành hoặc Ban quản lý dự án cấp huyện để thực hiện quản lý dự án theo quy định.

d) Người đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp nhà nước quyết định thành lập Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực để quản lý một số dự án thuộc cùng chuyên ngành, tuyến công trình hoặc trên cùng một địa bàn.

2. Các dự án theo Chương trình xây dựng nông thôn mới giao cho Ban quản lý dự án xây dựng cấp huyện thực hiện công tác quản lý dự án.

3. Đối với dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài, hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng theo quy định của điều ước quốc tế về ODA hoặc thỏa thuận với nhà tài trợ. Trường hợp điều ước quốc tế về ODA hoặc thỏa thuận với nhà tài trợ không có quy định cụ thể thì hình thức tổ chức quản lý dự án thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 16 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ và Khoản 5 Điều 5 quy định này.

4. Đối với dự án thực hiện theo hình thức đối tác công tư (PPP), doanh nghiệp dự án lựa chọn hình thức thành lập Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng một dự án hoặc thuê tư vấn quản lý dự án hoặc ủy thác cho Ban quản lý dự án chuyên ngành, Ban quản lý dự án khu vực thực hiện công tác quản lý dự án.

5. Đối với dự án sử dụng vốn khác, người quyết định đầu tư quyết định hình thức quản lý dự án phù hợp với yêu cầu quản lý và điều kiện cụ thể của dự án.

6. Chủ đầu tư trực tiếp thực hiện quản lý dự án

a) Chủ đầu tư sử dụng tư cách pháp nhân của mình và bộ máy chuyên môn trực thuộc có đủ điều kiện, năng lực để trực tiếp quản lý dự án đầu tư xây dựng

công trình có tổng mức đầu tư dưới 15 tỷ đồng; trường hợp không đủ điều kiện thực hiện, chủ đầu tư ủy thác cho Ban quản lý dự án chuyên ngành hoặc Ban quản lý dự án cấp huyện để thực hiện quản lý dự án theo quy định hoặc thuê tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực theo quy định hiện hành để thực hiện.

b) Cá nhân tham gia quản lý dự án làm việc theo chế độ kiêm nhiệm và phải có chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với công việc đảm nhận. Chi phí thực hiện dự án phải được hạch toán riêng theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Thẩm quyền thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán

1. Công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước

a) Thẩm quyền thẩm định thiết kế, dự toán:

Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành theo quy định tại Khoản 1 Điều 6 Quy định này chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế kỹ thuật, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế ba bước); thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế hai bước) của công trình nhà ở có quy mô dưới 25 tầng chiều cao không quá 75m; công trình từ cấp II trở xuống được đầu tư xây dựng trên địa bàn hành chính của tỉnh trừ các công trình thuộc thẩm quyền thẩm định của các Bộ quản lý chuyên ngành xây dựng.

b) Thẩm quyền phê duyệt thiết kế, dự toán xây dựng:

- Người quyết định đầu tư phê duyệt thiết kế kỹ thuật, dự toán xây dựng trường hợp thiết kế ba bước; phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng trường hợp thiết kế hai bước;

- Chủ đầu tư phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng trường hợp thiết kế ba bước.

2. Công trình xây dựng sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách

a) Thẩm quyền thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng:

- Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành theo quy định tại Khoản 1 Điều 6 Quy định này chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế kỹ thuật, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế ba bước) và thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế hai bước) của công trình nhà ở có quy mô dưới 25 tầng chiều cao không quá 75 m; công trình từ cấp III trở lên được đầu tư xây dựng trên địa bàn hành chính của tỉnh trừ các công trình thuộc thẩm quyền thẩm định của các Bộ quản lý chuyên ngành xây dựng;

- Người quyết định đầu tư tổ chức thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng của các công trình còn lại; tổ chức thẩm định phần thiết kế, dự toán phần công nghệ (nếu có) đối với các công trình do Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành thẩm định nêu trên;

- Người quyết định đầu tư chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định do mình thực hiện và có trách nhiệm gửi kết quả thẩm định (trừ phần công nghệ) đến cơ

quan chuyên môn về xây dựng theo phân cấp tại Khoản 1 Điều 6 Quy định này để theo dõi, quản lý.

b) Thẩm quyền phê duyệt thiết kế, dự toán xây dựng:

- Người quyết định đầu tư phê duyệt thiết kế kỹ thuật, dự toán xây dựng trong trường hợp thiết kế ba bước;

- Chủ đầu tư phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng trong trường hợp thiết kế ba bước; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng trong trường hợp thiết kế hai bước;

- Đối với dự án đầu tư theo hình thức PPP, chủ đầu tư phê duyệt thiết kế, dự toán xây dựng công trình.

3. Công trình sử dụng vốn khác

a) Thẩm quyền thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng:

- Sở Xây dựng, các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành theo quy định tại Khoản 1 Điều 6 quy định này chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế kỹ thuật (trường hợp thiết kế ba bước), thiết kế bản vẽ thi công (trường hợp thiết kế hai bước) của công trình nhà ở có quy mô dưới 25 tầng chiều cao không quá 75m; công trình công cộng, công trình xây dựng có ảnh hưởng lớn đến cảnh quan, môi trường và an toàn cộng đồng đối với công trình cấp II, III được xây dựng trên địa bàn hành chính của tỉnh, trừ các công trình thuộc thẩm quyền thẩm định của các Bộ quản lý chuyên ngành xây dựng;

- Người quyết định đầu tư tổ chức thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng của các công trình còn lại; tổ chức thẩm định phần thiết kế công nghệ (nếu có) và dự toán xây dựng đối với các công trình do Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành thẩm định nêu trên.

b) Thẩm quyền phê duyệt thiết kế, dự toán xây dựng:

Người quyết định đầu tư, chủ đầu tư phê duyệt thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình.

Điều 12. Cấp giấy phép xây dựng

1. Thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng và giấy phép xây dựng có thời hạn thực hiện theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh về cấp phép xây dựng trên địa bàn tỉnh.

2. Đối với việc cấp giấy phép xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động được thực hiện theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh về quản lý xây dựng, lắp đặt và hoạt động của công trình trạm thu, phát sóng thông tin di động trên địa bàn tỉnh.

3. Công trình do cơ quan nào cấp giấy phép xây dựng thì cơ quan đó điều chỉnh, gia hạn, cấp lại và thu hồi giấy phép xây dựng do mình cấp. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi giấy phép xây dựng do cấp dưới cấp không đúng quy định.

Điều 13. Giám sát, đánh giá đầu tư đối với dự án đầu tư xây dựng

1. Dự án sử dụng vốn đầu tư công thì phải được giám sát, đánh giá đầu tư. Đối với dự án khác, việc giám sát, đánh giá đầu tư do người quyết định đầu tư quyết định.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư là đầu mối giúp Ủy ban nhân dân tỉnh giám sát, đánh giá đầu tư trên địa bàn tỉnh; tổ chức hướng dẫn, kiểm tra công tác giám sát, đánh giá đầu tư và trực tiếp tổ chức giám sát, đánh giá đầu tư đối với các dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, kể cả các dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền, phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp huyện trực tiếp thực hiện.

3. Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện trực tiếp tổ chức giám sát, đánh giá đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

4. Công tác giám sát đầu tư của cộng đồng thực hiện theo quy định của Luật đầu tư công, Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về giám sát, đánh giá đầu tư và Nghị định số 01/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về giám sát, đánh giá đầu tư.

Mục 3

KẾT THÚC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

Điều 14. Thẩm quyền thẩm định quyết toán đối với dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách và vốn khác

1. Sở Tài chính thẩm định quyết toán các dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện thẩm định quyết toán các dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

3. Chủ đầu tư sử dụng bộ phận chuyên môn của mình hoặc thuê tư vấn để thẩm tra quyết toán; chủ đầu tư tự tổ chức thẩm định.

Điều 15. Thẩm quyền phê duyệt quyết toán

1. Đối với dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước và vốn nhà nước ngoài ngân sách: Người có thẩm quyền quyết định đầu tư là người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán.

2. Đối với dự án sử dụng vốn khác: Chủ đầu tư phê duyệt quyết toán.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 16. Quy định chuyển tiếp

1. Đối với các dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt Chủ trương đầu tư, phê duyệt dự án: Việc triển khai thực hiện theo quy định của Luật đầu tư công và Nghị định 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ về hướng dẫn một số điều về Luật đầu tư công, Nghị định số 120/2018/NĐ-CP ngày 13/9/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư công và số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020 và các văn bản liên quan khác.

Đối với các dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt Chủ trương đầu tư nhưng chưa phê duyệt dự án: Việc triển khai lập, phê duyệt dự án theo quy định này.

2. Dự án đã được thẩm định, thiết kế cơ sở đã được tham gia ý kiến; thiết kế, dự toán đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định trước ngày quy định này có hiệu lực nhưng chưa phê duyệt thì không phải tổ chức thẩm định lại, việc phê duyệt và triển khai thực hiện theo quy định này.

3. Dự án đã phê duyệt trước ngày quy định này có hiệu lực, đang triển khai thực hiện, các bước tiếp theo thực hiện theo các nội dung đã được phê duyệt, nhưng phải đảm bảo phù hợp với các nội dung đã được phê duyệt, ~~nhưng~~ phải đảm bảo phù hợp với các quy định của Luật Xây dựng năm 2014. vđ

Thiết kế, dự toán đã được phê duyệt trước ngày quy định này có hiệu lực nhưng chưa triển khai thực hiện thì không phải phê duyệt lại; các bước tiếp theo thực hiện theo quy định này

Điều 17. Trách nhiệm thi hành

1. Sở Xây dựng là cơ quan đầu mối, tổ chức hướng dẫn, kiểm tra các Sở quản lý xây dựng chuyên ngành, Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Ninh Thuận, các phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, các tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện quy định này và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi, hủy kết quả thẩm định hoặc yêu cầu tổ chức thẩm định lại khi phát hiện có sai sót trong công tác thẩm định dự án, thiết kế, dự toán xây dựng công trình ảnh hưởng đến tính pháp lý, chất lượng, an toàn, chi phí và tiến độ xây dựng công trình.

2. Các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công thương, Giao thông Vận tải, Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Ninh Thuận và Ủy ban nhân dân

cấp huyện có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện các nội dung của Quy định này; định kỳ hàng quý, 06 tháng, 1 năm báo cáo Sở Xây dựng kết quả thực hiện công tác thẩm định dự án, thiết kế, dự toán xây dựng công trình để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Xây dựng (báo cáo gửi về trong thời gian 10 ngày đầu tiên của tháng tiếp theo kỳ báo cáo).

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã: Có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện các nội dung của Quy định này về Chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng; định kỳ hàng quý, 06 tháng, 1 năm báo cáo về Sở Kế hoạch và Đầu tư kết quả thực hiện công tác thẩm định, phê duyệt chủ trương dự án đầu tư xây dựng để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và báo cáo Sở Xây dựng kết quả thực hiện thẩm định dự án, thiết kế, dự toán xây dựng công trình để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Xây dựng (báo cáo gửi về trong thời gian 10 ngày đầu tiên của tháng tiếp theo kỳ báo cáo).

4. Các tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc quy định này; trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc phản ánh trực tiếp với Sở Xây dựng, Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lưu Xuân Vĩnh

**NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG QUYẾT ĐỊNH 59/2017/QĐ-UBND
 NGÀY 18/7/2017, QUYẾT ĐỊNH SỐ 01/2018/QĐ-UBND NGÀY 03/01/2018,
 QUYẾT ĐỊNH SỐ 03/2019/QĐ-UBND NGÀY 18/01/2019 CỦA UBND TỈNH.**

Quy định tại Quyết định 59	Điều chỉnh, bổ sung Quyết định 59	Lý do
Căn cứ pháp lý của Quyết định		
<p>- Luật đầu tư công ngày 18/6/2014;</p> <p>- Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30/9/2015 của Chính phủ về giám sát, đánh giá đầu tư;</p> <p>- Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ về hướng dẫn một số điều của Luật đầu tư công;</p> <p>- Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ về đầu tư theo hình thức đối tác công tư;</p> <p>- Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế; Nghị định số 164/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế.</p>	<p>- Luật đầu tư công ngày 13/6/2019;</p> <p>- Nghị định số 01/2020/NĐ-CP ngày 01/01/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30/9/2015 của Chính phủ về giám sát, đánh giá đầu tư;</p> <p>- Nghị định số 120/2018/NĐ-CP ngày 13/9/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư công và số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020;</p> <p>- Nghị định số 63/2018/NĐ-CP ngày 04/5/2018 của Chính phủ về đầu tư theo hình thức đối tác công tư;</p> <p>- Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;</p>	<p>Thay thế</p> <p>Bổ sung</p> <p>Bổ sung</p> <p>Thay thế</p> <p>Thay thế</p>

<p>- Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;</p> <p>- Nghị định số 102/2009/NĐ-CP ngày 06/11/2009 của Chính phủ về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.</p>	<p>- Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;</p> <p>- Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.</p>	<p>Thay thế</p> <p>Thay thế</p>
<p>Điều 2 của Quyết định</p>		
<p>Quyết định này có hiệu lực từ ngày 17 tháng 8 năm 2017 và thay thế Quyết định số 45/2014/QĐ-UBND ngày 12/6/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về quản lý các dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; Quyết định số 05/2015/QĐ-UBND ngày 20/01/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quyết định số 45/2014/QĐ-UBND ngày 12/6/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về quản lý các dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.</p>	<p>Quyết định này có hiệu lực từ ngày tháng năm 2020 và thay thế Quyết định số 59/2017/QĐ-UBND ngày 07/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; Quyết định số 01/2018/QĐ-UBND ngày 03/01/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung Điều 5 Quyết định số 59/2017/QĐ-UBND ngày 07/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; Quyết định số 03/2019/QĐ-UBND ngày 18/01/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung điểm c Khoản 1 Điều 6 Quyết định số 59/2017/QĐ-UBND ngày 07/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.</p>	<p>Thay thế</p>
<p>Điều 1, Điều 2, Điều 3 trong Quy định của Quyết định được giữ nguyên</p>		
<p>Điều 4 trong Quy định của Quyết định được điều chỉnh như sau: (Điều chỉnh theo Luật đầu tư công ngày 13/6/2019).</p>		
<p>Khoản 1 Điều 4 trong Quy định của Quyết định được điều chỉnh như sau:</p>		
<p>1. Thành lập Hội đồng thẩm định chủ trương đầu tư</p> <p>a) Hội đồng thẩm định tỉnh Ninh Thuận do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận làm Chủ tịch hoặc một Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận trong trường hợp được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận ủy quyền; Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư làm Phó Chủ tịch Thường trực; Giám đốc Sở Tài Chính làm Phó Chủ tịch; Ủy viên gồm Thủ trưởng các cơ quan: Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, sở</p>	<p>1. Thành lập Hội đồng thẩm định chủ trương đầu tư</p> <p>a) Hội đồng thẩm định tỉnh Ninh Thuận do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận làm Chủ tịch hoặc một Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận trong trường hợp được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận ủy quyền; Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư làm Phó Chủ tịch Thường trực; Giám đốc Sở Tài Chính làm Phó Chủ tịch; Ủy viên gồm Thủ trưởng các cơ quan: Sở Xây</p>	

<p>quản lý xây dựng chuyên ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có dự án triển khai, đơn vị được giao lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư.</p> <p>b) Hội đồng cấp huyện do một lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện làm Chủ tịch; Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch làm Phó Chủ tịch; Ủy viên gồm Thủ trưởng các cơ quan: Phòng có chức năng Quản lý xây dựng cấp huyện, các phòng liên quan (nếu cần), Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có dự án triển khai, đơn vị được giao lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư.</p> <p>c) Hội đồng cấp xã do một lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã làm Chủ tịch; Công chức Tài chính - Kế toán làm Ủy viên Thường trực; Ủy viên Hội đồng gồm: Công chức văn phòng, công chức địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường (đối với phường, thị trấn) hoặc địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường (đối với xã), công chức được giao lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư.</p>	<p>dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, sở quản lý xây dựng chuyên ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có dự án triển khai, đơn vị được giao lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư.</p> <p>b) Hội đồng cấp huyện do một lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện làm Chủ tịch; Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch làm Phó Chủ tịch; Ủy viên gồm Thủ trưởng đơn vị: Phòng có chức năng quản lý xây dựng cấp huyện, các phòng liên quan (nếu cần), Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có dự án triển khai, đơn vị được giao lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư.</p> <p>c) Hội đồng cấp xã do một lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã làm Chủ tịch; Công chức Tài chính - Kế toán làm Ủy viên Thường trực; Ủy viên Hội đồng gồm: Công chức văn phòng, công chức địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường (đối với phường, thị trấn) hoặc địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường (đối với xã), công chức được giao lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư.</p>	
<p><i>Khoản 2, 3, 4 Điều 4 trong Quy định của Quyết định được điều chỉnh như sau:</i></p>		
<p>2. Thẩm quyền thẩm định chủ trương đầu tư đối với dự án do cấp tỉnh quản lý</p> <p>a) Hội đồng cấp tỉnh thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư và Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn các dự án: Dự án nhóm A, nhóm B, dự án trọng điểm nhóm C sử dụng vốn ngân sách trung ương, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ do tỉnh quản lý; dự án nhóm B, dự án trọng điểm nhóm C sử dụng vốn cân đối ngân sách địa phương của tỉnh, vốn trái phiếu chính quyền địa phương, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách địa phương của tỉnh và các khoản vốn vay khác của ngân sách địa phương để đầu tư.</p> <p>b) Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, nguồn vốn</p>	<p>2. Thẩm quyền thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc chủ trương đầu tư</p> <p>- Đối với dự án nhóm A thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh: Hội đồng cấp tỉnh thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn;</p> <p>- Đối với dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn đầu tư công do cấp tỉnh quản lý: Hội đồng cấp tỉnh hoặc giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn; các dự án còn lại giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn;</p> <p>- Đối với dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn đầu tư công do cấp huyện quản lý: Hội đồng</p>	<p><i>Gộp Khoản 2, 3, 4 thành Khoản 2</i></p>

và khả năng cân đối vốn các dự án còn lại;

3. Thẩm quyền thẩm định chủ trương đầu tư đối với dự án do cấp huyện quản lý

a) Hội đồng cấp huyện thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư và Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn các dự án: Dự án nhóm B, dự án trọng điểm nhóm C sử dụng vốn ngân sách trung ương, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ do cấp huyện quản lý;

b) Hội đồng cấp huyện thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư và Phòng Tài chính - Kế hoạch thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn các dự án: Dự án nhóm B, dự án trọng điểm nhóm C sử dụng vốn cân đối ngân sách địa phương của tỉnh, vốn trái phiếu chính quyền địa phương, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách địa phương của tỉnh và các khoản vốn vay khác của ngân sách địa phương để đầu tư do cấp huyện quản lý.

c) Phòng Tài chính - Kế hoạch chủ trì thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn các dự án còn lại;

4. Thẩm quyền thẩm định chủ trương đầu tư đối với dự án do cấp xã quản lý

a) Hội đồng cấp xã thực hiện công tác thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư và Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn các dự án: Dự án nhóm B, dự án trọng điểm nhóm C sử dụng vốn ngân sách trung ương, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ do cấp xã quản lý;

b) Hội đồng cấp xã thực hiện công tác thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn: Dự án nhóm B, dự án trọng điểm nhóm C sử dụng vốn cân đối ngân sách địa phương của tỉnh, vốn trái phiếu chính quyền địa phương, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách địa phương của tỉnh và các khoản vốn vay khác của ngân sách địa phương để đầu tư do cấp xã quản lý và các dự án còn lại.

cấp huyện hoặc giao Phòng Tài chính - Kế hoạch chủ trì, phối hợp với các phòng chuyên môn cấp huyện có liên quan thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn; các dự án còn lại giao Phòng Tài chính - Kế hoạch chủ trì thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn;

- Đối với dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn đầu tư công và các dự án còn lại do cấp xã quản lý: Hội đồng cấp xã thực hiện công tác thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn

Khoản 5 Điều 4 trong Quy định của Quyết định được điều chỉnh như sau:

<p>5. Trình tự, thủ tục, thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư đối với các dự án Đầu tư công sau khi đã hoàn chỉnh Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư:</p> <p>a) Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B, dự án trọng điểm nhóm C sử dụng vốn ngân sách trung ương, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ do địa phương quản lý:</p> <p>- Đối với dự án nhóm B và dự án trọng điểm nhóm C do Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý: Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn trước khi trình Hội đồng nhân dân tỉnh cho ý kiến về Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư;</p> <p>Sau khi được Hội đồng nhân dân tỉnh có văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư, Ủy ban nhân dân tỉnh gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư.</p> <p>- Đối với dự án nhóm B và dự án trọng điểm nhóm C do Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quản lý: Ủy ban nhân dân trình Hội đồng nhân dân cùng cấp cho ý kiến về Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư.</p> <p>Sau khi Hội đồng nhân dân cùng cấp chấp thuận chủ trương đầu tư, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã gửi Ủy ban nhân dân tỉnh Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư. Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn trước khi gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư.</p> <p>Sau khi Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo hoàn chỉnh Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư theo ý kiến thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư</p> <p>- Ủy ban nhân dân trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định chủ trương đầu tư của dự án, bao gồm: mục tiêu, quy mô, tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn, địa điểm, thời gian, tiến</p>	<p>3. Trình tự, thủ tục, thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư đối với các dự án Đầu tư công sau khi đã hoàn chỉnh Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư:</p> <p>a) Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm A thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh:</p> <p>- Ủy ban nhân dân trình Hội đồng nhân dân tỉnh cho ý kiến Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi; Sau khi được Hội đồng nhân dân tỉnh có văn bản chấp thuận phê duyệt Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, Ủy ban nhân dân tỉnh gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư của Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi.</p> <p>- Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo hoàn chỉnh Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi theo ý kiến thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư</p> <p>- Ủy ban nhân dân trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, bao gồm: mục tiêu, quy mô, tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn, địa điểm, thời gian, tiến độ thực hiện, dự kiến kế hoạch bố trí vốn.</p> <p>b) Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn đầu tư công do địa phương quản lý:</p> <p>- Đối với dự án do Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý:</p> <p>+ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 4 của Quy định này (Hội đồng cấp tỉnh) hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn trước khi trình Hội đồng nhân dân tỉnh cho ý kiến về Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư;</p> <p>+ Ủy ban nhân dân tỉnh gửi Bộ Kế hoạch và</p>	<p><i>Điều chỉnh Khoản 5 thành Khoản 3</i></p>
---	--	--

<p>độ thực hiện.</p> <p>b) Đối với dự án nhóm C không thuộc quy định tại điểm a khoản này:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với dự án do Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý, Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn trước khi gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư. - Đối với dự án do Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quản lý, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã gửi Ủy ban nhân dân tỉnh Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư. Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn trước khi gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư. <p>Sau khi Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo hoàn chỉnh Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư theo ý kiến thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ủy ban nhân dân các cấp quyết định chủ trương đầu tư, bao gồm: mục tiêu, quy mô, tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn, địa điểm, thời gian, tiến độ thực hiện. <p>c) Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B, dự án trọng điểm nhóm C sử dụng vốn cân đối ngân sách địa phương, vốn trái phiếu chính quyền địa phương, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách địa phương và các khoản vốn vay khác của ngân sách địa phương để đầu tư:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với dự án sử dụng vốn cân đối ngân sách của tỉnh, vốn trái phiếu chính quyền địa phương, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách địa phương của tỉnh và các khoản vốn vay khác của ngân sách tỉnh để đầu tư: + Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 của quy định này hoặc giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ 	<p>Đầu tư Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư sau khi Hội đồng nhân dân tỉnh có văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư;</p> <ul style="list-style-type: none"> + Sau khi Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo cơ quan được giao chuẩn bị Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư hoàn chỉnh Báo cáo trình Ủy ban nhân dân tỉnh; + Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư của dự án, bao gồm: mục tiêu, phạm vi, quy mô, tổng vốn đầu tư, cơ cấu nguồn vốn, địa điểm, thời gian, tiến độ thực hiện, dự kiến kế hoạch bố trí vốn, cơ chế và giải pháp, chính sách thực hiện. - Đối với dự án do Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý: + Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập Hội đồng thẩm định theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 4 của Quy định này (Hội đồng cấp huyện) hoặc Phòng Tài chính - Kế hoạch chủ trì, phối hợp với các phòng chuyên môn cấp huyện có liên quan thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn trước khi trình Hội đồng nhân dân cấp huyện cho ý kiến về Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư; + Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Ủy ban nhân dân tỉnh sau khi Hội đồng nhân dân cấp huyện có văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư, Ủy ban nhân dân tỉnh gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư; + Sau khi Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn, Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo cơ quan được giao chuẩn bị Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư hoàn chỉnh Báo cáo trình Ủy ban nhân dân cấp huyện; + Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Hội đồng nhân dân cấp huyện quyết định chủ trương đầu tư của dự án, bao gồm: mục tiêu, phạm vi, quy mô, tổng vốn đầu tư, cơ cấu nguồn vốn, địa điểm, thời gian, tiến độ thực hiện, dự kiến kế hoạch bố trí vốn, cơ chế và giải pháp, chính
---	---

<p>quan có liên quan thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn.</p> <p>+ Đối với dự án do cấp huyện, cấp xã quản lý, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã trình Hội đồng nhân dân cùng cấp cho ý kiến trước khi gửi Ủy ban nhân dân tỉnh;</p> <p>+ Căn cứ ý kiến thẩm định quy định trên đây, cơ quan được giao chuẩn bị Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư hoàn chỉnh Báo cáo gửi Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư, bao gồm: mục tiêu, quy mô, tổng mức đầu tư, địa điểm, thời gian thực hiện.</p> <p>- Đối với dự án sử dụng vốn cân đối ngân sách địa phương cấp huyện, cấp xã, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách địa phương cấp huyện, cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định chủ trương đầu tư, bao gồm: mục tiêu, quy mô, tổng mức đầu tư, địa điểm, thời gian thực hiện.</p> <p>d) Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm C sử dụng vốn cân đối ngân sách của tỉnh, vốn trái phiếu chính quyền địa phương, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách địa phương của tỉnh và các khoản vốn vay khác của ngân sách tỉnh để đầu tư</p> <p>- Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn;</p> <p>Căn cứ ý kiến thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư, cơ quan được giao chuẩn bị Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư hoàn chỉnh Báo cáo trình Ủy ban nhân dân tỉnh.</p> <p>- Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư, bao gồm: mục tiêu, quy mô, tổng mức đầu tư, địa điểm, thời gian, tiến độ thực hiện.</p> <p>đ) Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm C sử dụng vốn cân đối ngân sách địa phương cấp huyện, cấp xã và vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa</p>	<p>sách thực hiện.</p> <p>- Đối với dự án do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý:</p> <p>+ Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thành lập Hội đồng thẩm định theo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 4 của Quy định này (Hội đồng cấp xã) thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn trước khi trình Hội đồng nhân dân cấp xã cho ý kiến về Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư;</p> <p>+ Ủy ban nhân dân cấp xã trình Ủy ban nhân dân cấp huyện sau khi Hội đồng nhân dân cấp xã có văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư; Ủy ban nhân dân huyện gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư;</p> <p>+ Sau khi Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn, Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo cơ quan được giao chuẩn bị Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư hoàn chỉnh Báo cáo trình Ủy ban nhân dân cấp xã;</p> <p>+ Ủy ban nhân dân cấp xã trình Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định chủ trương đầu tư của dự án, bao gồm: mục tiêu, phạm vi, quy mô, tổng vốn đầu tư, cơ cấu nguồn vốn, địa điểm, thời gian, tiến độ thực hiện, dự kiến kế hoạch bố trí vốn, cơ chế và giải pháp, chính sách thực hiện.</p>	
---	---	--

<p>vào cân đối ngân sách địa phương cấp huyện, cấp xã</p> <p>- Đối với dự án sử dụng vốn cân đối ngân sách địa phương cấp huyện và vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách địa phương cấp huyện:</p> <p>+ Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện giao cơ quan chuyên môn hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư và thành lập Hội đồng để thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn;</p> <p>+ Cơ quan được giao lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư hoàn thiện Báo cáo trình Ủy ban nhân dân cấp huyện;</p> <p>+ Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định chủ trương đầu tư, bao gồm: mục tiêu, quy mô, tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn, địa điểm, thời gian, tiến độ thực hiện.</p> <p>- Đối với dự án sử dụng vốn cân đối ngân sách địa phương cấp xã và vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách địa phương cấp xã:</p> <p>+ Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư và thành lập Hội đồng để thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn;</p> <p>+ Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định chủ trương đầu tư, bao gồm: mục tiêu, quy mô, tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn, địa điểm, thời gian, tiến độ thực hiện.</p>		
<p><i>Khoản 6 Điều 4 trong Quy định của Quyết định được điều chỉnh như sau:</i></p> <p><u>4. Đối với các dự án đầu tư thực hiện theo hình thức PPP thực hiện theo quy định tại Nghị định số 63/2018/NĐ-CP ngày 04/5/2018 của Chính phủ.</u></p> <p>(Vi Nghị định số 63/2018/NĐ-CP ngày 04/5/2018 của Chính phủ thay thế Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ.)</p>		<p><i>Điều chỉnh Khoản 6 thành Khoản 4</i></p>
<p>Điều 5 trong Quy định của Quyết định được thay thế bằng các nội dung nêu tại Quyết định số 01/2018/QĐ-UBND ngày 03/01/2018 của UBND tỉnh Ninh Thuận.</p>		
<p>Điều 6 trong Quy định của Quyết định</p>		

<p>Điểm a, b và d Khoản 1 Điều 6 trong Quy định của Quyết định được giữ nguyên. Riêng Điểm c Khoản 1 Điều 6 trong Quy định của Quyết định được thay thế bằng các nội dung nêu tại Quyết định số 03/2019/QĐ-UBND ngày 18/01/2018 của UBND tỉnh Ninh Thuận.</p>	<p>Điều chỉnh; đề nghị UBND các huyện, thành phố kiểm tra lại điều kiện năng lực của các Phòng có chức năng quản lý xây dựng cấp huyện thuộc địa phương quản lý nếu đáp ứng đủ các điều kiện năng lực để xuất tiếp tục phân cấp trong công tác thẩm định theo các nội dung tại Quyết định số 03/2019/QĐ-UBND ngày 18/01/2018 của UBND tỉnh Ninh Thuận.</p>
<p>Khoản 2,3,4 Điều 6 trong Quy định của Quyết định được giữ nguyên</p>	
<p>Bỏ Khoản 5 Điều 6 trong Quy định của Quyết định Vi Khoản 10 Điều 1 Nghị định số 120/2018/NĐ-CP ngày 13/9/2018 của Chính phủ bãi bỏ các quy định tại khoản 2,3,4 Điều 31 của Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ về hướng dẫn một số điều của Luật đầu tư công.</p>	
<p>Khoản 6 Điều 6 trong Quy định của Quyết định được giữ nguyên</p>	<p>Điều chỉnh</p>

		Khoản 6 thành Khoản 5
<p>Điểm a, c, d, đ Khoản 7 Điều 6 trong Quy định của Quyết định được giữ nguyên. Điểm b Khoản 7 Điều 6 trong Quy định của Quyết định được bổ sung như sau:</p> <p>Phân cấp công trình xây dựng thực hiện theo quy định tại Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng và <u>Thông tư số 07/2019/TT-BXD ngày 07/11/2019 của Bộ Xây dựng ban hành sửa đổi, bổ sung, thay thế một số quy định tại Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng</u></p> <p>(Lý do bổ sung; Vì Thông tư số 07/2019/TT-BXD ngày 07/11/2019 của Bộ Xây dựng có hiệu lực <u>01/01/2020</u> sửa đổi, bổ sung, thay thế một số quy định tại Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng)</p>		Điều chỉnh Khoản 7 thành Khoản 6;
Điều 7 trong Quy định của Quyết định được giữ nguyên		
Điều 8 trong Quy định của Quyết định được điều chỉnh, bổ sung như sau:		
<p>1. Thời gian thẩm định dự án</p> <p>a) Không quá 20 (hai mươi) ngày đối với dự án nhóm A;</p> <p>b) Không quá 15 (mười lăm) ngày đối với dự án nhóm B</p> <p>c) Không quá 10 (mười) ngày đối với dự án nhóm C.</p> <p>Trường hợp cần gia hạn thời gian thẩm định thì cơ quan, tổ chức chủ trì thẩm định phải báo cáo cơ quan cấp trên xem xét, quyết định việc gia hạn; thời gian gia hạn không quá thời gian thẩm định tương ứng quy định trên.</p> <p>2. Thời gian thẩm định thiết kế cơ sở</p> <p>a) Không quá 20 (hai mươi) ngày đối với dự án nhóm A;</p> <p>b) Không quá 15 (mười lăm) ngày đối với dự án nhóm B;</p> <p>c) Không quá 10 (mười) ngày đối với dự án nhóm C.</p>	<p>1. Thời gian thẩm định dự án</p> <p>a) Không quá 20 (hai mươi) ngày đối với dự án nhóm A;</p> <p>b) Không quá 15 (mười lăm) ngày đối với dự án nhóm B</p> <p>c) Không quá 10 (mười) ngày đối với dự án nhóm C.</p> <p>Trường hợp cần gia hạn thời gian thẩm định thì cơ quan, tổ chức chủ trì thẩm định phải báo cáo cơ quan cấp trên xem xét, quyết định việc gia hạn; thời gian gia hạn không quá thời gian thẩm định tương ứng quy định trên.</p> <p>2. Thời gian thẩm định thiết kế cơ sở <u>kể cả thời gian tham gia ý kiến thiết kế cơ sở của các Sở, ngành liên quan</u></p> <p>a) Không quá 20 (hai mươi) ngày đối với dự án nhóm A;</p> <p>b) Không quá 15 (mười lăm) ngày đối với dự án nhóm B;</p> <p>c) Không quá 10 (mười) ngày đối với dự án nhóm C.</p>	Điều chỉnh phù hợp văn bản số 2450/UB ND- QHXD ngày 14/6/201 8 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện theo Điểm a Khoản 1 Mục II Chi thị số 08/CT- TTg ngày 13/3/201 8 của Chính phủ.

<p>3. Thời gian thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật và thiết kế, dự toán xây dựng công trình</p> <p>a) Không quá 20 (hai mươi) ngày đối với công trình cấp II, cấp III;</p> <p>b) Không quá 15 (mười lăm) ngày đối với công trình cấp IV.</p>	<p><u>Trường hợp công trình, dự án liên quan đến nhiều Sở, ngành cơ quan chủ trì thẩm định thiết kế cơ sở đề nghị các cơ quan, tổ chức liên quan tham gia ý kiến thiết kế cơ sở của các cơ quan, tổ chức liên quan là:</u></p> <p><u>- Không quá 15 (mười lăm) ngày đối với dự án nhóm A;</u></p> <p><u>- Không quá 10 (mười) ngày đối với dự án nhóm B;</u></p> <p><u>- Không quá 05 (năm) ngày đối với dự án nhóm C.</u></p> <p>3. Thời gian thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật và thiết kế, dự toán xây dựng công trình <u>kể cả thời gian tham gia thẩm định thiết kế kỹ thuật hoặc Báo cáo Kinh tế - kỹ thuật (thiết kế bản vẽ thi công) của các cơ quan, tổ chức liên quan</u></p> <p>a) Không quá 20 (hai mươi) ngày đối với công trình cấp II, cấp III;</p> <p>b) Không quá 15 (mười lăm) ngày đối với công trình cấp IV.</p> <p><u>Trường hợp công trình, dự án liên quan đến nhiều Sở, ngành cơ quan chủ trì thẩm định thiết kế kỹ thuật hoặc Báo cáo Kinh tế - kỹ thuật (thiết kế bản vẽ thi công) đề nghị các cơ quan, tổ chức liên quan thẩm định một số nội dung liên quan đến chuyên ngành của mình, thời gian tham gia thẩm định thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công của các cơ quan, tổ chức liên quan là:</u></p> <p><u>- Không quá 11 (mười một) ngày đối với công trình cấp II, cấp III;</u></p> <p><u>- Không quá 06 (sáu) ngày đối với công trình cấp IV.</u></p>	
<p>Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12 trong Quy định của Quyết định được giữ nguyên</p>		
<p>Điều 13 trong Quy định của Quyết định</p>		
<p>Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 Điều 13 trong Quy định của Quyết định được giữ nguyên.</p>		

<p>Đối với Khoản 4 Điều 13 trong Quy định của Quyết định được điều chỉnh bổ sung như sau:</p> <p>4. Công tác giám sát đầu tư của cộng đồng thực hiện theo quy định của Luật đầu tư công, Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về giám sát, đánh giá đầu tư, <u>Nghị định số 01/2020/NĐ-CP ngày 01/01/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30/9/2015 của Chính phủ về giám sát, đánh giá đầu tư.</u></p>	
<p>Điều 14, Điều 15 trong Quy định của Quyết định được giữ nguyên</p>	
<p>Điều 16 trong Quy định của Quyết định</p>	
<p>1. Đối với các dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt Chủ trương đầu tư, phê duyệt dự án: Việc triển khai thực hiện theo quy định của Luật đầu tư công và Nghị định 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ về hướng dẫn một số điều về Luật đầu tư công và các văn bản liên quan khác.</p> <p>Đối với các dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt Chủ trương đầu tư nhưng chưa phê duyệt dự án: Việc triển khai lập, phê duyệt dự án theo quy định này.</p> <p>2. Dự án đã được thẩm định, thiết kế cơ sở đã được tham gia ý kiến; thiết kế, dự toán đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định trước ngày quy định này có hiệu lực nhưng chưa phê duyệt thì không phải tổ chức thẩm định lại, việc phê duyệt và</p>	<p>1. Đối với các dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt Chủ trương đầu tư, phê duyệt dự án: Việc triển khai thực hiện theo quy định của Luật đầu tư công và Nghị định 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ về hướng dẫn một số điều về Luật đầu tư công, <u>Nghị định số 120/2018/NĐ-CP ngày 13/9/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư công và số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020</u> và các văn bản liên quan khác.</p> <p>Đối với các dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt Chủ trương đầu tư nhưng chưa phê duyệt dự án: Việc triển khai lập, phê duyệt dự án theo quy định này.</p> <p>2. Dự án đã được thẩm định, thiết kế cơ sở đã được tham gia ý kiến; thiết kế, dự toán đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định trước ngày quy định này có hiệu lực nhưng chưa phê duyệt thì không phải tổ chức thẩm định lại, việc phê duyệt và</p>

<p>triển khai thực hiện theo quy định này.</p> <p>3. Dự án đã phê duyệt trước ngày quy định này có hiệu lực, đang triển khai thực hiện, các bước tiếp theo thực hiện theo các nội dung đã được phê duyệt, nhưng phải đảm bảo phù hợp với các nội dung đã được phê duyệt, nhưng phải đảm bảo phù hợp với các quy định của Luật Xây dựng năm 2014.</p> <p>Thiết kế, dự toán đã được phê duyệt trước ngày quy định này có hiệu lực nhưng chưa triển khai thực hiện thì không phải phê duyệt lại; các bước tiếp theo thực hiện theo quy định này.</p>	<p>triển khai thực hiện theo quy định này.</p> <p>3. Dự án đã phê duyệt trước ngày quy định này có hiệu lực, đang triển khai thực hiện, các bước tiếp theo thực hiện theo các nội dung đã được phê duyệt, nhưng phải đảm bảo phù hợp với các nội dung đã được phê duyệt, nhưng phải đảm bảo phù hợp với các quy định của Luật Xây dựng năm 2014.</p> <p>Thiết kế, dự toán đã được phê duyệt trước ngày quy định này có hiệu lực nhưng chưa triển khai thực hiện thì không phải phê duyệt lại; các bước tiếp theo thực hiện theo quy định này.</p>	
<p>Điều 17 trong Quy định của Quyết định được giữ nguyên</p>		